SEAREFICO
SMALL ENOUGH TO LISTEN - BIG ENOUGH TO DELIVER

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Independence – Freedom – Happiness

Số/ *No.*: 005 /TB/SRF/BTGĐ/26

TP.HCM, ngày 14 tháng 01 năm 2026
HCMC, January 14, 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
DN: C=VN, S=HỒ CHÍ MINH, L=QUẬN TÂN BÌNH, CN=CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO, OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0301825452
Reason: I am the author of this document
Location: your signing location here
Date: 2026-01-15 14:15:06
Foxit PhantomPDF Version: 10.0.0

THÔNG BÁO/ *ANNOUNCEMENT*
V/V THAY ĐỔI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP/
ANNOUNCEMENT ON THE CHANGE OF THE ENTERPRISE REGISTRATION CERTIFICATE

Kính gửi: - **Ủy ban chứng khoán Nhà nước/** ***State Securities Commission of Vietnam***
- **Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM/** ***Ho Chi Minh Stock Exchange***

Căn cứ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301825452 ngày 14/01/2026, do Sở Tài Chính Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chúng tôi trân trọng thông báo việc thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty chúng tôi như sau:

Pursuant to the Enterprise Registration Certificate No. 0301825452 dated January 14, 2026, issued by the Ho Chi Minh City Department of Finance, we hereby respectfully announce the changes to our Company's Enterprise Registration Certificate as follows:

- Tên tổ chức/ *Name of Organization*: Công ty Cổ phần Searefico/ *Searefico Corporation*
- Mã chứng khoán/ *Stock Code*: SRF
- Địa chỉ/ *Headquarters Address*: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh/ *253 Hoang Van Thu street, Tan Son Hoa Ward, HCM City, Vietnam.*
- Điện thoại/ *Tel*: (028) 3822 7260
- E-mail: info@searefico.com
- Website: https://searefico.com

1. Thông tin trước khi thay đổi/ ***Information before the change***

1.1. Địa chỉ trụ sở chính/ ***Headquarters Address:***

253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
253 Hoang Van Thu Street, Ward 2, Tan Binh District, Ho Chi Minh City, Vietnam

1.2. Thông tin của Người đại diện theo pháp luật/ ***Information of the Legal Representative(s)***

* Họ và tên/ *Full name*: LÊ TẤN PHƯỚC Giới tính/ *Gender*: Nam/ *Male*
Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân
Type of personal legal document: Citizen Identification Card
Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:
Personal legal document No.:
Ngày cấp: Nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHCVTTXH

Date of issue: *Place of issue: Department of Administrative Management of Social Order*
Địa chỉ thường trú:
Permanent address:
Địa chỉ liên lạc:
Contact address:

* Họ và tên/ *Full name*: NGUYỄN KHOA ĐĂNG Giới tính/ *Gender*: Nam/ *Male*
Địa chỉ thường trú:
Permanent address:
Địa chỉ liên lạc:
Contact address:

1.3. Ngành, nghề kinh doanh/ *The business lines:*

STT/ *No.*	Ngành nghề kinh doanh/ *Business line*	Mã ngành/ *Code*
1	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, âm thanh, công trình lạnh công nghiệp, công trình xây dựng điện đến 35KV, hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí và thông gió, hệ thống cơ khí, hệ thống camera quan sát, chống trộm, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh Parabol, báo cháy tự động, điện thoại, máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống tiếp đất, chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp gas, dầu, khí nén, hệ thống máy phát điện, hệ thống khí y tế, hệ thống xử lý nước. / *Installation of other building systems, including: elevators, escalators, automatic doors of all kinds; lighting systems; dust extraction systems; sound systems; industrial refrigeration works; electrical construction works up to 35kV; heating systems; air conditioning and ventilation systems (HVAC); mechanical systems; CCTV surveillance systems; anti-theft/security systems; cable television systems; satellite television (parabolic dish) systems; automatic fire alarm systems; telephone systems;*	4329 (Chính/*Main*)

	communication devices and two-way radios; private branch exchange (PBX) systems; data transmission systems; building management systems (BMS); grounding and lightning protection systems; fire prevention and firefighting systems; gas, oil and compressed air supply systems; generator systems; medical gas systems; and water treatment systems.	
2	Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) / *Repair of communication equipment (excluding mechanical processing, waste recycling, electric plating at the head office)*	9512
3	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC512) / *Construction of Residential Buildings* *Details: Construction of high-rise residential buildings (CPC 512)*	4101
4	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC512) / *Construction of Residential Buildings* *Details: Construction of high-rise residential buildings (CPC 512)*	4102
5	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị cơ điện lạnh. (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) / *Repair of machinery and equipment. Details: Maintenance, upkeep and repair services for mechanical, electrical, and refrigeration equipment (excluding mechanical processing, waste recycling, electric plating at the head office)*	3312
6	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác). Chi tiết: Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa các phương tiện vận tải (trừ tàu biển, tàu thủy) (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). / *Repair and maintenance of transport equipment (excluding motor vehicles, motorcycles, and other motor-driven vehicles). Details: Maintenance, upkeep, and repair services for transport vehicles (excluding ships and*	3315

	boats) (no mechanical processing, waste recycling, electric plating at the head office).	
7	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác (Trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). / *Maintenance and repair of motor vehicles and other motor-driven vehicles (Excluding mechanical processing, waste recycling, electric plating at the head office).*	4520
8	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn (trừ kinh doanh dịch vụ bảo vệ). / *Security system services (excluding security service business).*	8020
9	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất thuê trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất. / *Real estate business and trading of land use rights owned, used, or leased by the enterprise* *Details: Leasing houses and construction works for subleasing; for land leased by the State, investing in the construction of residential houses for lease; investing in the construction of non-residential houses and construction works for sale, lease, or lease-purchase; acquiring the whole or part of real estate projects from investors to construct houses and construction works for sale, lease, or lease-purchase; for land allocated by the State, investing in the construction of residential houses for sale, lease, or lease-purchase; for land leased in industrial zones, industrial clusters, export processing zones, high-tech parks, and economic*	6810

	zones, investing in the construction of houses and construction works for business purposes in accordance with the approved land-use purposes.	
10	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ lập dự án đầu tư, quản lý đầu tư / *Architectural activities and related technical consultancy* *Details: Investment project preparation services and investment management services*	7110
11	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). / *Installation of industrial machinery and equipment (excluding installation of refrigeration equipment (freezing equipment, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector, and excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office).*	3320
12	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình. Tư vấn, khảo sát thiết kế công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng. Thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài nước. / *Specialized design activities* *Details: Interior and exterior decoration of construction works; consultancy and survey services for the design of industrial refrigeration works, air conditioning systems, electrical systems, fire prevention and firefighting systems, elevators, water supply and drainage systems, and mechanical systems for industrial and civil works; construction and interior and exterior decoration of civil and industrial works domestically and abroad.*	7410
13	Chuẩn bị mặt bằng	4312

	Chi tiết: San lấp mặt bằng / *Site preparation* *Details: Land leveling and ground filling*	
14	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất tấm panel, tấm cách nhiệt, vật liệu cách nhiệt (không hoạt động tại trụ sở). / *Manufacture of plastic products* *Details: Manufacture of panels, insulation panels, and thermal insulation materials (not conducted at the head office).*	2220
15	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, công trình xây dựng điện đến 35KV, hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí và thông gió, hệ thống cơ khí, hệ thống camera quan sát, chống trộm, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh Parabol, báo cháy tự động, điện thoại, máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống tiếp đất, chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp gas, dầu, khí nén, hệ thống máy phát điện, hệ thống khí y tế, hệ thống xử lý nước, máy móc và thiết bị công nghiệp. / *Other professional, scientific and technical activities not elsewhere classified. Details: Consultancy services for the installation of industrial refrigeration projects, electrical construction projects up to 35KV, heating, air-conditioning, and ventilation systems, mechanical systems, CCTV systems, anti-theft systems, cable television, Parabolic satellite television, automatic fire alarm, telephone, communication and wireless radio sets, internal switchboards, data transmission systems, building management systems, grounding systems, lightning protection, fire fighting systems, gas, oil, compressed air supply systems, generator sets, medical gas systems, water treatment systems, machinery and industrial equipment.*	7490
16	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, vật liệu cơ điện lạnh (không gia công tại trụ sở). /	2829

	Manufacture of other special-purpose machinery *Details: Manufacture of machinery, equipment, and electromechanical refrigeration materials (not manufactured at the head office).*	
17	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) / *Wholesale of other machinery, equipment and spare parts* *(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law).*	4659
18	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) / *Installation of water supply and drainage systems, heating systems and air-conditioning systems* *(excluding installation of refrigeration equipment (freezing equipment, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector, and excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office).*	4322
19	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) / *Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components*	4652

	(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law)	
20	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng / *Wholesale of other construction materials and installation equipment*	4663
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Construction of other civil engineering works*	4299
22	Xây dựng công trình đường sắt *Construction of railway works*	4211
23	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) / *Wholesale of other household goods* *(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law).*	4649
24	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kĩ thuật dân dụng (CPC 513) / *Construction of road works* *Details: Construction of civil engineering works (CPC 513)*	4212
25	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kĩ thuật dân dụng (CPC 513) / *Construction of other public utility works* *Details: Construction of civil engineering works (CPC 513)*	4229
26	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà	4669

	đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật). / *Other specialized wholesale n.e.c (excluding the implement of the export, import, and distribution of goods included in the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import, and distribution rights under the provisions of law).*	
27	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) / *Repair of household electronic audio-visual equipment (excluding mechanical processing, waste recycling, electric plating at the head office)*	9521
28	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kĩ thuật dân dụng (CPC 513) / *Construction of other public utility works* *Details: Construction of civil engineering works (CPC 513)*	4321
29	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) / *Management consulting activities (excluding financial, accounting, legal consulting)*	7020
30	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) / *Other financial service support activities not elsewhere classified* *Details: Investment consultancy activities (excluding financial, accounting and legal consultancy)*	6619
31	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác. Chi tiết: Chuẩn bị tài liệu; lên kế hoạch; dịch vụ hỗ trợ thư ký; ghi tài liệu và dịch vụ thư ký khác; dịch vụ gửi thư. / *Photo-copying, document preparation and other specialized office support activities. Details: Document preparation; planning; secretarial support services; document recording and other secretarial services; mailing services.*	8219

32	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Dịch vụ thuế (CPC 863) / *Accounting, auditing and tax consultancy activities* *Details: Tax services (CPC 863)*	6920
33	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm. Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm; không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng, xuất khẩu lao động đi làm việc ở nước ngoài). / *Activities of employment agencies and labor brokerage. Details: Activities of agencies that advise, introduce, and broker employment (excluding the activities of job centers, not including the introduction, selection, provision, and export of workers for overseas employment).*	7810
34	Cung ứng lao động tạm thời. Chi tiết: Cung ứng lao động tạm thời trong nước. / *Provision of temporary labour. Details: Provision of temporary domestic labour.*	7820
35	Cung ứng và quản lý nguồn lao động. Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước. / *Provision and management of human resources. Details: Provision and management of domestic human resources.*	7830
36	Lập trình máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ thực hiện phần mềm. / *Computer programming. Details: Software implementation services.*	6201
37	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ tư vấn liên quan tới lắp đặt hệ thống phần cứng máy vi tính. / *Computer consultancy and computer facilities management. Details: Consultancy services related to the installation of computer hardware systems.*	6202
38	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan. Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu. / *Data processing, hosting and related activities. Details: Data processing services.*	6311
39	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính. Chi tiết: Dịch vụ duy	6209

	tu và bảo dưỡng máy móc và thiết bị văn phòng, bao gồm cả máy tính; các dịch vụ máy tính khác. / *Information technology service activities and other computer-related service activities. Details: Maintenance and repair services for office machinery and equipment, including computers; other computer services.*	
40	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại / *Trade promotion and introduction services*	8230
41	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: Nhượng quyền thương mại (CPC 8929) / *Rental of non-financial intangible assets* *Details: Franchise services (CPC 8929)*	7740

2. Thông tin sau khi thay đổi/ *Information after the change:*

2.1. Địa chỉ trụ sở chính/ *Headquarters Address*

253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

253 Hoang Van Thu Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam.

2.2. Thông tin của Người đại diện theo pháp luật/ *Information of the Legal Representative(s)*

* Họ và tên/ *Full name*: LÊ TẤN PHƯỚC Giới tính/ *Gender*: Nam/ *Male*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân/ *Type of personal legal document*: Căn cước/ *Citizen Identification*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân/ *Personal legal document No.*:

Ngày cấp: 11/09/2025 Nơi cấp: Bộ Công an

Date of issue: September 11, 2025 *Place of issue: Ministry of Public Security*

Địa chỉ thường trú:

Minh, Việt Nam

Permanent address:

City, Vietnam

Địa chỉ liên lạc:

Việt Nam

Contact address:

Vietnam

* Họ và tên/ *Full name*: NGUYỄN KHOA ĐĂNG Giới tính/ *Gender*: Nam/ *Male*

Địa chỉ thường trú:

Minh, Việt Nam

Permanent address:
City, Vietnam
Địa chỉ liên lạc:
Việt Nam
Contact address:
Vietnam

2.3. Ngành, nghề kinh doanh / *The business lines:*

STT/ *No.*	Ngành nghề kinh doanh/ *Business line*	Mã ngành/ *Code*
1	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: Lắp đặt hệ thống xây dựng khác: thang máy, cầu thang tự động, các loại cửa tự động, hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống hút bụi, âm thanh, công trình lạnh công nghiệp, công trình xây dựng điện đến 35KV, hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí và thông gió, hệ thống cơ khí, hệ thống camera quan sát, chống trộm, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh Parabol, báo cháy tự động, điện thoại, máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống tiếp đất, chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp gas, dầu, khí nén, hệ thống máy phát điện, hệ thống khí y tế, hệ thống xử lý nước. *Installation of other building systems, including: elevators, escalators, automatic doors of all kinds; lighting systems; dust extraction systems; sound systems; industrial refrigeration works; electrical construction works up to 35kV; heating systems; air conditioning and ventilation systems (HVAC); mechanical systems; CCTV surveillance systems; anti-theft/security systems; cable television systems; satellite television (parabolic dish) systems; automatic fire alarm systems; telephone systems; communication devices and two-way radios; private branch exchange (PBX) systems; data transmission systems; building management systems (BMS); grounding and lightning protection systems; fire prevention and firefighting systems; gas, oil and compressed air supply systems; generator systems; medical gas systems; and water treatment systems.*	4329 (Chính/*Main*)
2	Sửa chữa, bảo dưỡng máy tính, thiết bị thông tin và truyền thông (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9510

	Repair and Maintenance of Computers, Information and Communication Equipment *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office)*	
3	Xây dựng nhà để ở Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC512) *Construction of Residential Buildings* *Details: Construction of high-rise residential buildings (CPC 512)*	4101
4	Xây dựng nhà không để ở Chi tiết: Thi công xây dựng nhà cao tầng (CPC512) *Construction of non-residential buildings* *Details: Construction of high-rise buildings (CPC 512)*	4102
5	Sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) *Repair and maintenance of machinery and equipment* *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office)*	3312
6	Sửa chữa,bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác) (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). *Repair and maintenance of transport equipment (excluding cars, motorcycles, motorbikes and other motor vehicles)* *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office).*	3315
7	Sửa chữa, bảo dưỡng ô tô và xe có động cơ khác (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) *Repair and maintenance of motor vehicles and other motorized vehicles* *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office)*	9531
8	Sửa chữa, bảo dưỡng mô tô, xe máy (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) *Repair and maintenance of motorcycles and motorbikes* *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office)*	9532
9	Dịch vụ bảo đảm an toàn khác *Other security and safety services*	8019
10	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810

	Chi tiết: Thuê nhà, công trình xây dựng để cho thuê lại; Đối với đất được Nhà nước cho thuê thì được đầu tư xây dựng nhà ở để cho thuê; đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng không phải là nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản của chủ đầu tư để xây dựng nhà, công trình xây dựng để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất được Nhà nước giao thì được đầu tư xây dựng nhà ở để bán, cho thuê, cho thuê mua; Đối với đất thuê trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế thì được đầu tư xây dựng nhà, công trình xây dựng để kinh doanh theo đúng mục đích sử dụng đất. *Real estate business and trading of land use rights owned, used, or leased by the enterprise* *Details: Leasing houses and construction works for subleasing; for land leased by the State, investing in the construction of residential houses for lease; investing in the construction of non-residential houses and construction works for sale, lease, or lease-purchase; acquiring the whole or part of real estate projects from investors to construct houses and construction works for sale, lease, or lease-purchase; for land allocated by the State, investing in the construction of residential houses for sale, lease, or lease-purchase; for land leased in industrial zones, industrial clusters, export processing zones, high-tech parks, and economic zones, investing in the construction of houses and construction works for business purposes in accordance with the approved land-use purposes.*	
11	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Dịch vụ lập dự án đầu tư, quản lý đầu tư *Architectural activities and related technical consultancy* *Details: Investment project preparation services and investment management services*	7110
12	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh r22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở). *Installation of industrial machinery and equipment* *(excluding installation of refrigeration equipment (freezing equipment, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector,*	3320

	and excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office).	
13	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Trang trí nội ngoại thất công trình. Tư vấn, khảo sát thiết kế công trình lạnh công nghiệp, điều hòa không khí, hệ thống điện, phòng chống cháy, thang máy, cấp thoát nước, cơ khí thuộc các ngành công nghiệp và dân dụng. Thi công xây dựng, trang trí nội ngoại thất các công trình dân dụng và công nghiệp trong và ngoài nước. *Specialized design activities* *Details: Interior and exterior decoration of construction works; consultancy and survey services for the design of industrial refrigeration works, air conditioning systems, electrical systems, fire prevention and firefighting systems, elevators, water supply and drainage systems, and mechanical systems for industrial and civil works; construction and interior and exterior decoration of civil and industrial works domestically and abroad.*	7410
14	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: San lấp mặt bằng *Site preparation* *Details: Land leveling and ground filling*	4312
15	Sản xuất sản phẩm từ plastic Chi tiết: Sản xuất tấm panel, tấm cách nhiệt, vật liệu cách nhiệt (không hoạt động tại trụ sở). *Manufacture of plastic products* *Details: Manufacture of panels, insulation panels, and thermal insulation materials (not conducted at the head office).*	2220
16	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ tư vấn lắp đặt công trình lạnh công nghiệp, công trình xây dựng điện đến 35KV, hệ thống lò sưởi, điều hòa không khí và thông gió, hệ thống cơ khí, hệ thống camera quan sát, chống trộm, truyền hình cáp, truyền hình vệ tinh Parabol, báo cháy tự động, điện thoại, máy liên lạc và máy bộ đàm vô tuyến, tổng đài nội bộ, hệ thống truyền dữ liệu, hệ thống quản lý tòa nhà, hệ thống tiếp đất, chống sét, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống cấp gas, dầu, khí nén, hệ thống máy phát điện, hệ thống khí y tế, hệ thống xử lý nước, máy móc và thiết bị công nghiệp. *Other professional, scientific and technological activities not elsewhere classified*	7499

	Details: Consultancy services for the installation of industrial refrigeration works; electrical construction works up to 35kV; heating systems; air conditioning and ventilation systems (HVAC); mechanical systems; CCTV surveillance systems; anti-theft/security systems; cable television systems; satellite television (parabolic dish) systems; automatic fire alarm systems; telephone systems; communication devices and two-way radios; private branch exchange (PBX) systems; data transmission systems; building management systems (BMS); grounding and lightning protection systems; fire prevention and firefighting systems; gas, oil and compressed air supply systems; generator systems; medical gas systems; water treatment systems; and industrial machinery and equipment.	
17	Sản xuất máy chuyên dụng khác Chi tiết: Sản xuất máy móc, thiết bị, vật liệu cơ điện lạnh (không gia công tại trụ sở). *Manufacture of other special-purpose machinery* *Details: Manufacture of machinery, equipment, and electromechanical refrigeration materials (not manufactured at the head office).*	2829
18	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) *Wholesale of other machinery, equipment and spare parts* *(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law).*	4659
19	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ lắp đặt các thiết bị điện lạnh (thiết bị cấp đông, kho lạnh, máy đá, điều hòa không khí, làm lạnh nước) sử dụng ga lạnh R22 trong lĩnh vực chế biến thủy hải sản và trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) *Installation of water supply and drainage systems, heating systems and air-conditioning systems*	4322

	(excluding installation of refrigeration equipment (freezing equipment, cold storage, ice machines, air conditioners, water chillers) using R22 refrigerant in the seafood processing sector, and excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office).	
20	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) *Wholesale of electronic and telecommunications equipment and components* *(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law).*	4652
21	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng *Wholesale of other construction materials and installation equipment*	4673
22	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác *Construction of other civil engineering works*	4299
23	Xây dựng công trình đường sắt *Construction of railway works*	4211
24	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) *Wholesale of other household goods* *(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law).*	4649
25	Xây dựng công trình đường bộ Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kĩ thuật dân dụng (CPC 513) *Construction of road works*	4212

	Details: Construction of civil engineering works (CPC 513)	
26	Xây dựng công trình công ích khác Chi tiết: Thi công xây dựng các công trình kĩ thuật dân dụng (CPC 513) *Construction of other public utility works* *Details: Construction of civil engineering works (CPC 513)*	4229
27	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (trừ việc thực hiện xuất khẩu, nhập khẩu, phân phối đối với hàng hóa thuộc Danh mục hàng hóa nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài không được thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối theo quy định của pháp luật) *Other specialized wholesale not elsewhere classified* *(excluding the exercise of export, import and distribution rights for goods on the list of goods for which foreign investors and foreign-invested economic organizations are not permitted to exercise export, import and distribution rights in accordance with the law).*	4679
28	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) *Repair and maintenance of household audio and visual electronic equipment* *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office)*	9521
29	Lắp đặt hệ thống điện (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở) *Installation of electrical systems* *(excluding mechanical processing, waste recycling, and electroplating at the head office)*	4321
30	Hoạt động tư vấn quản lý kinh doanh và hoạt động tư vấn quản lý khác (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) *Business management consultancy and other management consultancy activities* *(excluding financial, accounting and legal consultancy)*	7020
31	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư (trừ tư vấn tài chính, kế toán, pháp luật) *Other financial service support activities not elsewhere classified*	6619

	Details: Investment consultancy activities (excluding financial, accounting and legal consultancy)	
32	Hoạt động của trụ sở văn phòng *Activities of head offices*	7010
33	Hoạt động hành chính và hỗ trợ văn phòng *Administrative and office support activities*	8210
34	Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế Chi tiết: Dịch vụ thuế (CPC 863) *Accounting, auditing and tax consultancy activities* *Details: Tax services (CPC 863)*	6920
35	Hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm Chi tiết: Hoạt động của đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (trừ hoạt động của các trung tâm giới thiệu việc làm; không bao gồm giới thiệu, tuyển chọn, cung ứng, xuất khẩu lao động đi làm việc ở nước ngoài). *Activities of employment placement agencies* *Details: Activities of labour consultancy, job placement and labour brokerage agencies (excluding activities of employment service centers; excluding recruitment, selection, supply and export of labour for overseas employment).*	7810
36	Cung ứng lao động tạm thời Chi tiết: Cung ứng lao động tạm thời trong nước. *Temporary employment agency activities* *Details: Domestic temporary labour supply services.*	7821
37	Cung ứng nguồn nhân lực khác Chi tiết: Cung ứng nguồn nhân lực khác trong nước *Other human resources provision activities* *Details: Other domestic human resource supply services.*	7822
38	Phát triển trò chơi điện tử, phần mềm trò chơi điện tử và các công cụ phần mềm trò chơi điện tử *Development of electronic games, video game software and electronic game software tools*	6211
39	Lập trình máy tính khác/ *Other computer programming*	6219
40	Tư vấn máy tính và quản lý cơ sở hạ tầng máy tính *Computer consultancy and computer infrastructure management*	6220
41	Hoạt động dịch vụ máy tính và công nghệ thông tin khác *Other computer and information technology service activities*	6290
42	Cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, xử lý dữ liệu, lưu trữ và các hoạt động liên quan *Information technology infrastructure, data processing, hosting and related activities*	6310

43	Hoạt động cổng tìm kiếm web và các dịch vụ thông tin khác *Web search portal activities and other information services*	6390
44	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại *Trade promotion and introduction services*	8230
45	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính Chi tiết: Nhượng quyền thương mại (CPC 8929) *Rental of non-financial intangible assets* *Details: Franchise services (CPC 8929)*	7740
46	Kho bãi và lưu giữ hàng hoá Chi tiết: Dịch vụ kho ngoại quan, kho bảo thuế, địa điểm thu gom hàng lẻ - CFS (tập kết, thu gom hàng lẻ xuất khẩu), kho lạnh, kho thường, IDC (địa điểm thông quan nội địa), lưu giữ hàng hoá xuất nhập khẩu trung chuyển. *Warehousing and storage of goods* *Details: Services of bonded warehouses, tax-protected warehouses, consolidation points for less-than-container shipments (CFS) for export goods, cold storage, general warehouses, inland clearance depots (IDC), and storage of transshipment import-export goods.*	5210
47	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thuỷ *Support activities for water transport*	5222
48	Bốc xếp hàng hoá (Trừ bốc xếp hàng hoá cảng hàng không) *Cargo handling (Excluding cargo handling at airports)*	5224
49	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ *Support activities for road transport*	5225
50	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ logistic; dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan *Other transport support activities* *Details: Logistics services; customs brokerage services*	5229
51	Dịch vụ đóng gói Chi tiết: Dịch vụ đóng gói, kẻ ký mã hiệu hàng hoá cho các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài uỷ thác (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật) *Packing services* *Details: Packing services and marking/labeling of goods for domestic and foreign manufacturers on commission (excluding packing of pesticides)*	8292

3. Lý do thay đổi (nếu có)/ *Reason for change*:

- Cập nhật địa chỉ Công ty, địa chỉ Người đại diện theo pháp luật theo sự thay đổi địa giới hành chính;

- *Updating the Company's address and the address of the Legal Representative(s) in accordance with the changes in administrative boundaries;*
- Điều chỉnh, bổ sung ngành nghề kinh doanh theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 001/NQ/SRF/ĐHĐCĐ/26 ngày 06/01/2026.
- *Amending and supplementing business lines in accordance with the Resolution of the General Meeting of Shareholders No. 001/NQ/SRF/ĐHĐCĐ/26 dated January 06, 2026.*

4. **Ngày có hiệu lực:** 14/01/2026
   Effective date: *January 14, 2026*
5. **Ngày nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp**: 14/01/2026
   Date of receipt of the Enterprise Registration Certificate: *January 14, 2026*
6. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 14/01/2026 tại đường dẫn https://searefico.com.
   This information was disclosed on the Company's official website on *January 14, 2026* at: https://searefico.com.

Đại diện
For and on behalf of
CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO CORPORATION

Tài liệu đính kèm/ ***Attached documents*****:**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới
The latest Enterprise Registration Certificate.

CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
SEAREFICO
HOSE: SRF
M.S.D.N: 0301825432

NGUYỄN KHOA ĐĂNG
Tổng Giám đốc/ ***CEO***

SỞ TÀI CHÍNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0301825452

Đăng ký lần đầu: ngày 18 tháng 09 năm 1999

Đăng ký thay đổi lần thứ: 25, ngày 14 tháng 01 năm 2026

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SEAREFICO CORPORATION

Tên công ty viết tắt: SEAREFICO CORP

2. Địa chỉ trụ sở chính

253 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: *028.3822.7260* Số Fax: *028.3822.6001*

Thư điện tử: *info@searefico.com* Website: *www.searefico.com*

3. Vốn điều lệ: 355.667.800.000 đồng.

Bằng chữ: Ba trăm năm mươi lăm tỷ sáu trăm sáu mươi bảy triệu tám trăm nghìn đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 35.566.780

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: NGUYỄN KHOA ĐĂNG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *11/04/1988* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân:

Chức danh: Tổng giám đốc

Địa chỉ liên lạc:
Việt Nam

* Họ, chữ đệm và tên: LÊ TẤN PHƯỚC Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *29/08/1965* *Quốc tịch: Việt Nam*

Số định danh cá nhân:

Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị

Địa chỉ liên lạc:

KT.TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ TÀI CHÍNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Đỗ Thị Hoa

DEPARTMENT OF FINANCE
HO CHI MINH CITY
BUSINESS REGISTRATION DIVISION

ENGLISH TRANSLATION

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence – Freedom – Happiness

CERTIFICATE OF BUSINESS REGISTRATION

JOINT STOCK COMPANY

Business Code: 0301825452

First registration: September 18, 1999
Latest amendment: The 25th amendment, dated January 14, 2026

1. Company name

Company name in Vietnamese: CÔNG TY CỔ PHẦN SEAREFICO
Company name in foreign language: SEAREFICO CORPORATION
Abbreviated name: SEAREFICO CORP

2. Head office address

253 Hoang Van Thu Street, Tan Son Hoa Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam
Telephone: +84 28 3822 7260
Fax: +84 28 3822 6001
Email: info@searefico.com
Website: www.searefico.com

3. Charter capital: VND 355,667,800,000
In words: Three hundred fifty-five billion six hundred sixty-seven million eight hundred thousand Vietnamese dong
Par value per share: VND 10,000
Total number of shares: 35,566,780

4. Legal representatives of the company

* Full name: NGUYEN KHOA DANG
Gender: Male
Date of birth: April 11, 1988
Nationality: Vietnamese
Position: CEO

* Full name: LE TAN PHUOC
Gender: Male
Date of birth: August 29, 1965
Nationality: Vietnamese
Position: Chairman of the Board of Directors

FOR THE HEAD OF BUSINESS REGISTRATION OFFICE
DEPUTY HEAD OF BUSINESS REGISTRATION OFFICE

(Signed and sealed)

Do Thi Hoa